

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06-5-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DA HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhA dA: Ông Hoàng Văn Phan; Ông Vàng A Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiên Hiệp - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhA dA huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ dA phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ dA phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhA: Chị và anh Nguyễn Đình D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhA dA thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu ngày 30/9/2009. Việc kết hôn giữa chị và anh D hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống chị và anh D hạnh phúc được thời gian đầu nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhA, do anh D không chịu đi làm, thiếu trách nhiệm của người chồng, người cha, mọi việc chị phải gánh vác. Mặc dù chị đã cố gắng, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng chị và anh D vẫn không hòa hợp được, không thể chung sống cùng nhau trong một

mái nhà nên chị đã sống ly thA với anh D (đã đi thuê nhà riêng) từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhA không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là Nguyễn Thiên A, sinh ngày 15/5/2010; Nguyễn Thiện T, sinh ngày 20/10/2014; Nguyễn Khánh V, sinh ngày 16/10/2019. Hiện nay các con đang ở với anh D vì lý do chị sống ly thA, đi thuê nhà ở riêng và anh D không đồng ý cho các con đi ở cùng với chị. Các con đều có nguyện vọng được ở cùng với chị nên sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con do anh D không có việc làm, không có thu nhập.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai có trong hồ sơ, bị đơn trình bày: Về việc kết hôn, thời điểm đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày nhưng anh không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị N, các con còn nhỏ nên mong muốn được đoàn tụ với chị N. Anh và chị N có 03 con chung, nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thiện T và Nguyễn Khánh V và giao con chung Nguyễn Thiên A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi hòa giải, bị đơn anh D bỏ về và không ký biên bản.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện T, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuA theo pháp luật tố tụng dA sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuA theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dA sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đảm bảo quyền nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dA sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dA sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhA và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và xem xét quyết định: Chị N được ly hôn với anh D; giao 02 con chung là Nguyễn Thiên A và Nguyễn Khánh V cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao con chung Nguyễn Thiện T cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung do chị N và anh D không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dA sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình D có nơi cư trú tại tổ dA phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dA sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhA dA huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh Nguyễn Đình D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Ngày 17/4/2024, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh D là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dA sự.

[2] Về quan hệ hôn nhA: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhA dA thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu ngày 30/9/2020. Việc kết hôn giữa chị N và anh D hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhA giữa chị N và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh D chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh D không chịu đi làm, thiếu trách nhiệm của người chồng, người cha, mọi việc chị phải gánh vác. Chị N xin ly hôn nhưng anh D không nhất trí vì vẫn còn tình cảm và các con còn nhỏ nên anh không muốn ly hôn nhưng qua xác minh tại Ủy ban nhA dA thị trấn T xác nhận chị N và anh D đã sống ly thA. Do chị N kiên quyết xin ly hôn và đã sống ly thA, bản thA vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh D cũng không thể hiện việc tha thiết quay lại đoàn tụ với chị N mà bỏ mặc chị N tự làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Anh chị đã không còn dành sự quan T, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị N không còn tình cảm yêu thương đối với anh D, anh D cũng không thể hiện việc tha thiết quay về đoàn tụ với chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy

hôn nhA giữa chị N và anh D đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhA không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhA và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có 03 con chung: Nguyễn Thiên A, sinh ngày 15/5/2010; Nguyễn Thiện T, sinh ngày 20/10/2014; Nguyễn Khánh V, sinh ngày 16/10/2019. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con do anh D không có việc làm, không có thu nhập và anh D có nguyện vọng được nuôi 02 con Nguyễn Thiện T và Nguyễn Khánh V. Chị N và anh D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị N có công việc là nhA viên y tế tại Trung T y tế huyện T, thu nhập bình quA 8.000.000đồng/01 tháng. Nguyện vọng của các con Nguyễn Thiên A và Nguyễn Thiện T đều muốn được ở với mẹ và cháu Nguyễn Khánh V còn nhỏ cũng cần được mẹ chăm sóc. Tuy nhiên, nếu một mình chị N nuôi dưỡng cả 03 con thì không đảm bảo về điều kiện kinh tế với mức lương 8.000.000đồng/01 tháng. Do vậy, giao con chung Nguyễn Thiên A và Nguyễn Khánh V cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh D có nguyện vọng được nuôi hai con Nguyễn Thiện T và Nguyễn Khánh V nhưng xét thấy điều kiện của anh D còn khó khăn do chưa có việc làm và thu nhập ổn định, mặc dù con chung Nguyễn Thiện T có nguyện vọng ở với mẹ nhưng tại phiên tòa chị N nhất trí giao con Nguyễn Thiện T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng để anh D có điều kiện gần gũi các con và chị vẫn có trách nhiệm thường xuyên chăm sóc đến con Nguyễn Thiện T. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Thiện T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và anh D cũng không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị N và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dA sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dA sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đình D.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung Nguyễn Thiên A, sinh ngày 15/5/2010 và Nguyễn Khánh V, sinh ngày 16/10/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Giao con chung Nguyễn Thiện T, sinh ngày 20/10/2014 cho anh Nguyễn Đình D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đình D và chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000872 ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh